

Bản án số: **174/2019/HS-PT**

Ngày: 10-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Ông Đinh Quang Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58A/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, do có kháng cáo của người bị hại ông Lưu Đức N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2018/HS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Bị cáo: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981 tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: tổ 7, ấp C, xã S, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Á (đã chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1940; Vợ: Thạch Hoàng A, sinh năm 1981; có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại kháng cáo: Ông Lưu Hữu N, sinh năm 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 55 đường H, phường H, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú hiện nay: Tổ 7, ấp C, xã S, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:* ông Phan Thiên V, Luật sư Văn phòng luật sư Phan Thiên V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T, ông Lưu Hữu N cùng một số người khác được ông Nguyễn Văn Quyền mời đến dự đám giỗ. Khoảng 14 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2017, trong khi đang dự đám giỗ tại nhà ông Nguyễn Văn Q thì ông Lưu Hữu N đến bàn của Nguyễn Ngọc T đang ngồi mời uống bia đồng thời ông Lưu Hữu N nói “Đất tao nhiều, tiêu tao nhiều, đánh lộn tao chẳng sợ thằng nào”. Nguyễn Ngọc T đang ngồi cùng bàn nghe vậy thì nói lại “Anh giàu thì anh ăn chứ anh nói chi vậy”. Do vậy, giữa Nguyễn Ngọc T và ông Lưu Hữu N có lời qua tiếng lại thách thức đánh nhau. Ngay sau đó, ông Lưu Hữu N và Nguyễn Ngọc T cùng đi bộ ra đến ngã ba đường tổ 7, cách nhà ông Nguyễn Văn Q khoảng 100 mét, cả hai tiếp tục có những lời nói thách thức đánh nhau. Lúc này, Nguyễn Ngọc T nhìn thấy bên hàng rào nhà chị Thúy An có 01 đoạn cây tre khô dài 1,22m, đường kính 05cm nên đã cầm cây tre này trên tay và từ phía sau xông đến, đánh nhiều cái trúng vào lưng làm ông Lưu Hữu N ngã xuống đất, Nguyễn Ngọc T tiếp tục cầm cây tre xông đến đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng đầu, tay và chân của ông Lưu Hữu N gây thương tích. Thấy ông Lưu Hữu N bị đánh gây thương tích nên chị Ngô Thị D và một số người trong nhà ông Nguyễn Văn Q chạy đến can ngăn, sau đó Nguyễn Ngọc T đi về nhà còn ông Lưu Hữu N được đưa đến Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc để điều trị thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0350/GDPY/2018 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận ông Lưu Hữu N bị thương tích như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Tồn thương gãy cung bên sườn IX bên trái, tỷ lệ 05%.

Tỷ lệ tồn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 05%.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 147/2018/HS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 586, Điều 590 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường cho ông Lưu Hữu N số tiền 19.571.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, người bị hại ông Lưu Đức N kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và áp dụng hình phạt tù giam, đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông N số tiền 66.734.194 đồng.

Tại phiên tòa, người bị hại Lưu Hữu N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo và người bị hại không giao nộp chứng cứ gì mới.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyên nhân xảy ra vụ án không phải do giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn như bị cáo và anh Nguyễn Đức Sinh N, Nguyễn Ngọc T trình bày. Bị hại và bị cáo cùng về nhà bị cáo nhập để hòa giải nhưng bị cáo lại vô cớ sử dụng cây để đánh bị hại là có tính chất côn đồ, khi bị hại ngã bị cáo vẫn tiếp tục đánh nhiều nhát vào người bị hại càng thể hiện tính hung hăng, côn đồ của bị cáo. Mặc dù thương tích của bị hại được giám định chỉ 5% nhưng khi giám định đã không xem xét đến các vết thương phần mềm của bị hại, vẫn có thể ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của bị hại. Các chấn thương này không để lại tỉ lệ thương tật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đánh giá đúng tính chất hành vi của bị cáo và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo. Người bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường thu nhập bị mất tính số tiền 250.000đ/ngày mặc dù thương tích của bị hại nghiêm trọng là phù hợp.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T với mức án 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình thẩm vấn người bị hại cũng khai nhận là giữa bị hại và bị cáo có sự mâu thuẫn với nhau về vấn đề đất đai nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung có tính chất còn đồ với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm xem xét các khoản yêu cầu không phù hợp của người bị hại và không chấp nhận; đồng thời chấp nhận các yêu cầu tiền hóa đơn thuốc, tiền công người chăm sóc, tiền công lao động 2 tháng điều trị, tiền tái khám, chi phí giám định, tổn thất tinh thần 10 triệu, tổng cộng 27.958.388đ là phù hợp với quy định. Đối với yêu cầu của bị hại về việc bồi thường 6 tháng thu nhập bị mất là không có cơ sở chấp nhận. Về lỗi của bị cáo do cấp sơ thẩm đã xem xét khi lượng hình cho bị cáo nên việc tiếp tục xem xét lỗi trong trách nhiệm bồi thường là không phù hợp. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N đề nghị buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người bị hại Lưu Đức N được làm và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào lúc 14 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2017, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã có hành vi dùng cây tre khô đánh nhiều nhất trúng vào người ông N gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 05%. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại ông N về việc đề nghị tăng nặng hình phạt của bị cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, có nơi cư trú rõ ràng nên cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt cho bị cáo T là 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Xét thấy mức hình phạt trên dành cho bị cáo T của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và việc xem xét cho bị cáo T hưởng án treo của Tòa án huyện Xuân Lộc phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc người bị hại Lưu Đức N kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt và chuyển hình phạt giam đối với bị cáo nhưng không đưa được thêm các tình tiết hay chứng cứ mới gì khác để chứng minh cho yêu cầu của ông nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N.

[4] Xét kháng cáo của ông N về phần bồi thường thiệt hại: Theo yêu cầu bồi thường thiệt hại và bảng kê chi phí của ông Lưu Hữu N (bút lục 69) thì số tiền ông yêu cầu bị cáo T bồi thường là 66.734.194 đồng, bao gồm: chi phí điều trị thương tích là 4.234.194 đồng; tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng; chi phí ăn uống sinh hoạt tại bệnh viện của ông N và vợ ông (người chăm sóc) là 1.750.000 đồng; tiền thuê người lao động làm thay ông N trong thời gian điều trị 06 tháng (tiền công 250.000 đồng/ngày) là 45.000.000 đồng; tiền công lao động của người chăm sóc trong 07 ngày (tiền công 250.000 đồng/ngày) là 1.750.000 đồng; chi phí đi lại điều trị thương tích là 4.000.000 đồng.

[5] Cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của ông N với số tiền là 27.958.388 đồng, bao gồm: Tiền thuốc có hóa đơn là 2.208.388 đồng; tiền công 07 ngày chăm sóc tại bệnh viện của vợ bị hại (mức tiền công lao động 250.000 đồng/ngày) là 1.750.000 đồng; tiền thuê lao động làm thay ông N 02 tháng điều trị (mức tiền công lao động 250.000 đồng/ngày) là 13.000.000 đồng;

tiền xe tái khám, giám định thương tật là 1.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với chi phí điều trị thương tích: Cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền 1.040.000 đồng (hóa đơn bán lẻ ngày 20/11/2017) do bị hại tự ý mua thuốc ngoài chỉ định của bệnh viện và không có hóa đơn theo quy định là phù hợp; đối với số tiền 34.000 đồng và 484.706 đồng tại 02 phiếu thu cùng ngày 08/12/2017 của Phòng khám Sài Gòn Tâm Trí, cấp sơ thẩm không chấp nhận do số tiền này đã được thể hiện trong hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08/12/2018 là đúng. Tuy nhiên đối với các khoản tiền được chấp nhận còn lại thì cấp sơ thẩm đã tính sai, cần sửa lại với số tiền đúng là 2.675.480 đồng.

[7] Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng và tiền công của người chăm sóc bệnh trong 07 ngày (250.000đ/ngày) là 1.750.000 đồng đã được chấp nhận theo yêu cầu của ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với chi phí ăn uống sinh hoạt tại bệnh viện của người chăm sóc và người bệnh: Cấp sơ thẩm đã chấp nhận khoản tiền công của người chăm sóc nên chi phí này không được chấp nhận là phù hợp. Tuy nhiên, cần chấp nhận khoản tiền ăn uống của ông N trong thời gian ông N điều trị ở bệnh viện, cụ thể $100.000 \text{ đồng/ngày} \times 07 \text{ ngày} = 700.000 \text{ đồng}$.

[9] Đối với tiền thuê lao động làm thay ông N yêu cầu được tính là 250.000đ/ngày thì cấp sơ thẩm đã chấp nhận nên không xét lại, tuy nhiên đối với thời gian ông N yêu cầu được tính là 6 tháng, cấp sơ thẩm chấp nhận là 2 tháng. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu được tính tiền công thuê trong thời gian 6 tháng nhưng ông N không cung cấp chứng cứ chứng minh thời gian ông phải nghỉ 6 tháng là theo sự chỉ định của bác sĩ, cũng như không chứng minh được thực tế ông không thể lao động trong thời gian 6 tháng. Theo chứng cứ hồ sơ thì ông N chỉ nằm điều trị tại bệnh viện 07 ngày, sau đó xuất viện. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông N tiền thuê công lao động trong thời gian 02 tháng là đã có lợi và xem xét cho ông N. Do không có kháng cáo về việc giảm mức bồi thường nên Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm về phần này.

[10] Đối với chi phí đi lại để điều trị mà ông N yêu cầu là 4.000.000 đồng, ông N không giao nộp chứng cứ để chứng minh nên cấp sơ thẩm đã lấy mức chi phí hợp lý là 1.000.000 đồng là phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu của ông N.

Như vậy, các khoản tiền được chấp nhận gồm:

- Chi phí điều trị tại bệnh viện:	2.675.480 đồng
- Tổn thất tinh thần	10.000.000 đồng
- Chi phí ăn uống của ông N tại bệnh viện 7 ngày	700.000 đồng
- Tiền công lao động trong 02 tháng	13.000.000 đồng
- Tiền công người chăm sóc tại bệnh viện 7 ngày	1.750.000 đồng
- Chi phí đi lại	1.000.000 đồng
Tổng cộng:	29.125.480 đồng

Như vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Lưu Hữu N được chấp nhận là 29.125.480 đồng. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm nhận định do ông Lưu Hữu N có một phần lỗi nên phải chịu 30% thiệt hại và bị cáo T phải chịu 70% thiệt hại là không phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định dân sự, buộc bị cáo T bồi thường cho ông Lưu Hữu N toàn bộ số tiền là 29.125.480đ (Hai mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

[11] Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ cho người bị hại không phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[12] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Lưu Đức N về phần hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Lưu Đức N về phần dân sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 147/2018/HS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 586, Điều 590 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 08/7/2006.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường cho ông Lưu Hữu N số tiền 29.125.480đ (Hai mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 1.456.274đ (Một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng) án phí.

+ Án phí hình sự phúc thẩm: Ông Lưu Hữu N không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2018/HS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phụng